

Bản án số:180 /2018/HS-ST
Ngày 19 tháng 11 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ B**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chi.
2. Bà Nguyễn Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố B tham gia phiên tòa: Ông Đồng Tuấn Anh - Kiểm sát V.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân T phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 168/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184 /2018/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trịnh Văn Đ**, sinh năm 1994, tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: Thôn Trại PM, xã X, huyện G, tỉnh B;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12.

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Trịnh Văn Đ, sinh năm 1969 và bà: Nguyễn Thị B, sinh năm 1974.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (Có mặt)

*** Bị hại:** Anh Dương Văn T, sinh năm 1992. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Trại PM, xã X, huyện G, tỉnh B.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Trại PM, xã X, huyện G, tỉnh B.

2. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Y, tỉnh B.

3. Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Trại PM, xã X, huyện G, tỉnh B.

4. Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Trại PM, xã X, huyện G, tỉnh B.

5. Anh Nguyễn Trịnh C, sinh năm 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Hoa, xã X, huyện G, tỉnh B.

6. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh B.

** Người làm chứng:*

1. Ông Đoàn Thanh H, sinh năm 1967. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 48, đường P, phường T, T phố B, tỉnh B.

2. Ông Phạm Đồng L, sinh năm 1938. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 46, đường P, phường T, T phố B, tỉnh B.

3. Anh Nguyễn Huy C, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố P 3, phường D, T phố B, tỉnh B.

4. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Trại PM, xã X, huyện G, tỉnh B.

5. Anh Nguyễn Tuất T, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Trại PM, xã X, huyện G, tỉnh B.

6. Bà Trương Thị T, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: Kiot số 5, chợ Hphường T, T phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 2 năm 2018, anh Dương Văn T thuê số nhà 48, đường P, phường T, T phố B để kinh doanh quán hát karaoke, lấy tên quán là Hoàng Long. Đến tháng 3/2018, do không có khách nên anh T đóng cửa quán nhưng chưa thu dọn đồ đạc. Anh T có nhờ Trịnh Văn Đ và anh Nguyễn Huy C đến quán trông coi tài sản tại quán. Đến ngày 25/6/2018, anh C bị bệnh nên không trông quán hát nữa. Đến ngày 27/6/2018 thì Đ cũng tiếp tục không trông quán mà khóa cửa quán đưa chìa khóa cho anh T.

Buổi sáng ngày 30/6/2018, anh T có nhờ anh Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Tuất T ở cùng thôn đến quán hát tháo dỡ các thiết bị âm thanh trong các phòng hát ra để tập trung lại tại tầng một và tầng hai quán hát. Khi xong việc, anh T khóa cửa, công quán hát đi về làm giúp đám cưới ở cùng thôn. Đ cũng tham dự đám cưới này nên biết anh T sẽ ở lại đám cưới, quán hát không có ai. Do vậy, Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của anh T. Khoảng 13 giờ ngày 30/6/2018, Đ đi taxi từ

nhà đến quán hát karaoke Hoàng Long. Trên đường đi, Đ nhận được điện thoại của anh C nhờ mua hộ 01 suất cơm. Khi đến ngã ba Quán T, phường X, T phố B thì Đ xuống xe và gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn C là người quen và là lái xe taxi nhờ anh C mua hộ 01 suất cơm hộp và 01 lưỡi cưa bằng sắt mang đến ngã ba Quán T đón Đ. Khi gặp anh C, Đ bảo anh C chở đến số nhà 347 đường X, phường X, T phố B đưa cơm cho anh C. Sau đó, Đ bảo anh C chở đến quán Karaoke Hoàng Long. Đến nơi, Đ lấy lưỡi cưa và bảo anh C đi về trước. Lúc này Đ vứt lưỡi cưa vào trước rồi trèo qua cổng vào trong sân quán hát. Đ dùng lưỡi cưa sắt cưa đứt dây xích khóa cổng, Đ khai đã vứt dây xích vào bể nước ở trước cửa quán hát. Sau đó tiếp tục cưa đứt then chốt cửa ngang bằng Inox rồi vứt lưỡi cưa, then cửa và ổ khoá tại khu vườn cạnh nhà vệ sinh của quán hát. Khi vào bên trong, Đ nhìn thấy các thiết bị âm thanh của quán hát đã được tháo dỡ, kê gọn trong phòng hát tầng một và tầng hai. Đ bê 01 chiếc âm ly nhãn hiệu California ở dưới gầm cầu thang tầng một, 01 chiếc âm ly nhãn hiệu Janguar màu đen, 01 đầu lọc nhạc, 01 đầu vang số, 01 đầu thu Mic và 02 chiếc loa nhãn hiệu Deneb màu đen ở phòng hát tầng một ra cửa quán. Sau đó, Đ gọi taxi đến chở số tài sản trên về nhà cất giấu. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày 30/6/2018, Đ mang 02 chiếc loa và 01 chiếc âm ly sang nhà anh Trịnh Văn T, sinh năm 1990 là anh họ Đ ở cạnh nhà Đ nhờ anh T thử hộ loa và âm ly. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Đ đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 98M9-3576 mang theo 04 đoạn dây chạc đến quán Karaoke Hoàng Long. Tại đây, Đ tiếp tục trộm cắp 02 chiếc loa nhãn hiệu BMB màu ghi xám, 02 chiếc loa nhãn hiệu Deneb màu đỏ, 01 bộ máy vi tính chọn bài hát có 01 đầu kỹ thuật số lưu bài hát và 01 màn hình vi tính bấm chọn bài hát, 01 quạt điện hiệu ZipLai loại quạt để bàn hình vuông, 01 Model phát Wifi FPT màu trắng, 04 Mic hát không dây, 01 bộ máy vi tính chọn bài hát có 01 đầu kỹ thuật số lưu bài hát và 01 màn hình vi tính bấm chọn bài hát, 01 chiếc đầu vang số, 01 đầu thu Micro, 01 chiếc đầu lọc nhạc, 01 dây cắm loa ký hiệu PR6ST màu đen, 02 chiếc loa trầm. Số tài sản Đ dùng dây buộc vào xe mô tô và chở làm ba lần, mỗi lần đều chở về nhà anh T gửi nhờ, Đ không nói cho anh T biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Đ có nhờ anh T tìm người mua số tài sản gửi nhờ, anh T có gọi cho anh Nguyễn Trịnh C là người thu mua đồ điện cũ. Khoảng 08 giờ ngày 01/7/2018, Đ sang nhà anh T thì gặp anh C. Tại đây Đ thỏa T bán cho anh C 02 chiếc loa nhãn hiệu Deneb màu đen, 01 chiếc loa trầm và 02 bộ máy vi tính chọn bài hát với giá 5.000.000 đồng. Sau đó, Đ mang 02 chiếc loa nhãn hiệu BMB màu ghi xám về nhà sử dụng. Số tiền 5.000.000 đồng, Đ khai đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 02/7/2018, anh Dương Văn T có đơn trình báo công an T phố B. Cơ quan điều tra đã khám nghiệm hiện trường thu giữ một then khóa cửa kim loại dài 28cm, đường kính 1,7cm, một đầu có treo 01 khóa cửa hiệu KTV màu đen, một

đầu có vết gãy kim loại và vết cắt kim loại; thu một đầu của then khóa cửa hình chữ J đường kính 1,7cm có vết gãy kim loại và vết cắt kim loại. Đối với lưới cửa sắt và đoạn dây xích, Cơ quan điều tra đã rà soát truy tìm nhưng không thu hồi được.

Ngày 02/7/2018, anh Trịnh Văn T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra những tài sản sau: 01 quạt điện nhãn hiệu Ziplai, loại quạt hộp hình vuông; 01 bộ lọc âm ký hiệu Propession Singing; 02 bộ phát thu mic không dây gồm một chiếc ký hiệu Voice Audio, một chiếc ký hiệu UHF 2000- FLL; 02 chiếc loa ký hiệu Deneb màu sơn đỏ ghi; 01 loa Subwoofer Model 18098; 01 âm ly Jaguar SUHYOUNG-PA506N; 04 mic không dây, không nhãn hiệu, gồm hai chiếc màu xanh và hai chiếc màu ghi đen; 01 model phát wifi FPT màu trắng; 01 ổ cắm loa màu đen;

Cùng ngày, ông Trịnh Văn Đ là bố của Trịnh Văn Đ tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra những tài sản sau: 01 chiếc âm ly nhãn hiệu California Pro-8000AK; 01 đầu thu mic nhãn hiệu Sonmiu UL-300; 01 đôi loa BMB; 01 đầu lọc xì Party house- DAK 780; 01 bộ vang Multi Band Sounol Rocesson; 01 xe mô tô biển kiểm soát 98M9- 3576.

Ngày 03/7/2018, Cơ quan điều tra đã giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trịnh Văn Đ. Ngày 02/7/2018, Cơ quan công an đã tạm giữ của Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu đen bạc đã qua sử dụng. Ngày 17/7/2018, Cơ quan điều tra đã thực nghiệm điều tra vụ án, kết quả Trịnh Văn Đ đã thực hiện lại hành vi trộm cắp tài sản như đã khai tại cơ quan điều tra.

Đối với số tài sản Đ đem bán cho anh C, tại Cơ quan điều tra anh C khai đã bán lại cho anh Nguyễn Văn V với giá 12.000.000 đồng. Ngày 03/7/2018, anh Nguyễn Văn V tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 loa nhãn hiệu Deleb model DB610S; 02 đầu chọn bài hát karaoke Viet KTV; 02 cây màn hình cảm ứng chọn bài hát karaoke Viet KTV; 01 bộ loa trầm model 1809.

Tại kết luận định giá số 69 ngày 08/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự T phổ B kết luận:

- 02 bộ máy chọn bài hát, mỗi bộ gồm 01 màn hình vi tính bấm chọn bài hát màu trắng và một đầu kỹ thuật số lưu bài hát màu xám, các thiết bị đều có nhãn hiệu VIET KTV đã cũ qua sử dụng có giá trị là 2 bộ x 13.000.000 đồng = 26.000.000 đồng;

- 02 chiếc loa âm thanh, loại loa trầm nhãn hiệu GOLD S.PM: model 1809S kích thước cao x rộng x dài (45x40x45)cm đã cũ qua sử dụng là 02 chiếc x 3.000.000 đồng= 6.000.000 đồng;

- 02 chiếc loa âm thanh nhãn hiệu DENEb; model 08-610 màu đen kích thước cao x rộng x dài (30x50x30)cm đã cũ qua sử dụng có giá trị là 02 chiếc x 2.200.000 đồng= 4.400.000 đồng;

- 02 chiếc loa âm thanh nhãn hiệu DENEb; model 08-510S màu đỏ kích thước cao x rộng x dài (30x50x30)cm đã cũ qua sử dụng có giá trị là 02 chiếc x 2.200.000 đồng= 4.400.000 đồng;

- 02 chiếc loa âm thanh nhãn hiệu BMB-500W màu ghi xám do Trung Quốc sản xuất, kích thước cao x rộng x dài (35 x 50 x 50)cm đã cũ qua sử dụng có giá trị là 02 chiếc x 2.300.000 đồng= 4.600.000 đồng;

- 01 chiếc âm ly nhãn hiệu JARGUAR SUHYOUNG-PA506N màu đen đã cũ qua sử dụng có giá trị là 6.700.000 đồng;

- 02 chiếc âm ly lọc nhạc CB-200 NULTI BAND SOUND PROCESSOR màu đen đã cũ qua sử dụng có giá trị là 02 chiếc x 1.500.000 đồng= 3.000.000 đồng;

- 01 bộ thu âm-Mic gồm 01 đầu thu Mic nhãn hiệu SONMIU-UL300 màu đen và 02 Mic hát không dây không có nhãn hiệu, tay cầm màu đen đều đã cũ qua sử dụng có giá trị là 1.900.000 đồng;

- 01 bộ thu âm-Mic gồm 01 đầu thu Mic nhãn hiệu UHL 200CH-PRE màu vàng đen và 02 Mic hát không dây nhãn hiệu PRO FOULD màu vàng đều đã cũ qua sử dụng có giá trị là 1.900.000 đồng;

- 01 đầu vang số nhãn hiệu KROFE SSIONAL Singing Processof màu đen đã cũ qua sử dụng có giá trị là 2.000.000 đồng;

- 01 đầu vang số nhãn hiệu PAKTY HOUSE DAK-780 màu đen đã cũ qua sử dụng có giá trị là 2.000.000 đồng;

- 01 âm ly nhãn hiệu CALIFORNIA ELECTRONICS 3S, model No PRO-8000AR màu xám đã cũ qua sử dụng có giá trị là 1.400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 64.300.000 đồng.

Đối với số tài sản là 01 chiếc quạt điện nhãn hiệu ZIPLAI, loại quạt hộp để bàn, 01 Model phát Wifi FPT và 01 dây cắm Liot đã hỏng không còn giá trị sử dụng.

Ngày 31/7/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Dương Văn T toàn bộ số thiết bị âm thanh bị trộm cắp, đến nay anh T không yêu cầu bồi thường dân sự.

Ngoài những tài sản Cơ quan điều tra đã thu giữ nêu trên, anh T còn trình báo bị mất 01 ti vi nhãn hiệu Asando 50 inch, 01 âm ly Jaguar; 02 chiếc loa BMB màu đen xám. Cơ quan điều tra đã trưng cầu định giá số tài sản nêu trên. Tại kết luận định giá số 67/KL- HĐĐG ngày 06/7/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự T phổ B kết luận:

- 02 chiếc loa âm thanh nhãn hiệu BMB- 500W màu ghi xám do Trung Quốc sản xuất kích thước cao x rộng x dài: (35x50x50) cm, đã cũ qua sử dụng có giá trị là 02 chiếc x2.300.000 đồng= 4.600.000 đồng;

- 01 chiếc âm ly nhãn hiệu Jaguar Sohyoung- Pa506N màu đen đã cũ qua sử dụng có giá trị là 6.700.000 đồng;

- 01 chiếc tivi nhãn hiệu Asando màn hình 50 inch kính C lực, đã cũ qua sử dụng có giá trị là 6.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Trịnh Văn Đ khai không thực hiện hành vi trộm 01 ti vi nhãn hiệu Asando 50 inch, 01 âm ly Jaguar; 02 chiếc loa BMB màu đen xám như anh T trình báo. Ngoài lời khai của anh T thì không có tài liệu nào khác nên Cơ quan điều tra không có căn cứ kết luận Trịnh Văn Đ trộm cắp số tài sản nêu trên.

Quá trình điều tra đã xác định được chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98M9-3576 là do Đ mượn của ông Trịnh Văn Đ là bố đẻ Đ. Ông Được không biết Đ sử dụng chiếc xe trên để đi trộm cắp tài sản nên ngày 30/7/2018 Cơ quan điều tra đã trả lại ông Được chiếc xe máy trên.

Đối với anh Trịnh Văn C, Nguyễn Văn V có hành vi mua tài sản do Đ đem bán nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên anh C, anh V không vi phạm pháp luật. Quá trình điều tra, anh C trả cho anh V số tiền 7.000.000 đồng, anh V yêu cầu bị cáo Đ bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 14/11/2018 anh V có đơn đề nghị anh Nguyễn Trịnh C trả số tiền 5000.000đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 181/CT-VKS ngày 15 tháng 10 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân T phố B đã truy tố bị cáo Trịnh Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đ khai nhận nội dung diễn biến sự việc như bản Cáo trạng nêu là đúng, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh, điểm, điều, khoản trên là đúng, không oan. Bị cáo không trộm cắp 01 ti vi nhãn hiệu Asando 50 inch, 01 âm ly Jaguar; 02 chiếc loa BMB màu đen xám như anh T khai. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Bị hại là anh Dương Văn T trình bày: Ngày 30/6/2018 gia đình anh bị mất các tài sản như đã nêu tại bản Cáo trạng và lời khai của bị cáo. Anh đã được trả lại các tài sản này nay không yêu cầu bồi thường gì. Ngoài số tài sản như đã nêu trên, gia đình anh còn bị mất: 01 màn hình ti vi Asando màu đen loại 50 inch; 02 chiếc loa nhãn hiệu BMB màu đen xám; 01 chiếc âm ly nhãn hiệu Jaguar nên đề nghị cơ quan điều tra làm rõ, thu hồi và trả lại anh. Đối với khóa xích cổng và then ngang cửa nhà bị cáo làm hỏng giá trị không lớn nên anh T không yêu cầu bị cáo bồi

thường gì và không yêu cầu được nhận lại. Anh T đề nghị xét xử bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc.

Anh Nguyễn Trịnh C yêu cầu bị cáo trả số tiền 5000.000đồng.

Ông Trịnh Văn Đ đã nhận lại chiếc xe máy do Cơ quan điều tra trả. Nay ông không có yêu cầu hay đề nghị gì.

Anh Trịnh Văn T khai khi cho bị cáo Đ gửi tài sản nhưng anh không biết tài sản do trộm cắp mà có.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố B sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án vẫn giữ nguyên quyết định như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn Đ từ 02 năm 06 tháng tù đến 02 năm 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 03/7/2018, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 579, khoản 1 Điều 580 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh Nguyễn Trịnh C số tiền 5.000.000đồng.
- Buộc anh Nguyễn Trịnh C phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn V số tiền 5.000.000đồng.

4. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 5S đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 then khóa cửa kim loại dài 28cm, đường kính 1,7cm, một đầu có treo 01 khóa cửa hiệu KTV màu đen, một đầu có vết gãy kim loại và vết cắt kim loại, 01 đầu của then khóa cửa nói trên có hình chữ J đường kính 1,7cm có vết gãy kim loại và vết cắt kim loại theo Quyết định chuyển vật chứng số 158/QĐ-VKS ngày 15/10/2018.

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Trịnh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an T phố B, Điều tra V, Viện kiểm sát nhân dân T phố B, Kiểm sát V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Kết luận định giá tài sản số 69/KL-HĐĐG ngày 08/7/2018 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Trong ngày 30/6/2018, tại quán hát karaoke Hoàng Long ở địa chỉ số 48, đường P, phường T, T phố B, bị cáo Đ đã có hành vi trộm cắp của anh của anh Dương Văn T các tài sản gồm: 02 bộ máy chọn bài hát, mỗi bộ gồm 01 màn hình vi tính bấm chọn bài hát màu trắng và một đầu kỹ thuật số lưu bài hát màu xám, các thiết bị đều có nhãn hiệu VIET KTV đã cũ qua sử dụng; 02 chiếc loa âm thanh, loại loa trầm nhãn hiệu GOLD S.PM: model 1809S kích thước cao x rộng x dài (45x40x45)cm đã cũ qua sử dụng; 02 chiếc loa âm thanh nhãn hiệu DENEBA; model 08-610 màu đen kích thước cao x rộng x dài (30x50x30)cm đã cũ qua sử dụng; 02 chiếc loa âm thanh nhãn hiệu DENEBA; model 08-510S màu đỏ kích thước cao x rộng x dài (30x50x30)cm đã cũ qua sử dụng; 02 chiếc loa âm thanh nhãn hiệu BMB-500W màu ghi xám do Trung Quốc sản xuất, kích thước cao x rộng x dài (35 x 50 x 50)cm đã cũ qua sử dụng; 01 chiếc âm ly nhãn hiệu JARGUAR SUHYOUNG-PA506N màu đen đã cũ qua sử dụng; 02 chiếc âm ly lọc nhạc CB-200 NULTI BAND SOUND PROCESSOR màu đen đã cũ qua sử dụng; 01 bộ thu âm-Mic gồm 01 đầu thu Mic nhãn hiệu SONMIU-UL300 màu đen và 02 Mic hát không dây không có nhãn hiệu, tay cầm màu đen đều đã cũ qua sử dụng; 01 bộ thu âm-Mic gồm 01 đầu thu Mic nhãn hiệu UHL 200CH-PRE màu vàng đen và 02 Mic hát không dây nhãn hiệu PRO FOULD màu vàng đều đã cũ qua sử dụng; 01 đầu vang số nhãn hiệu KROFE SSIONAL Singing Processor màu đen đã cũ qua sử dụng; 01 đầu vang số nhãn hiệu PAKTY HOUSE DAK-780 màu đen đã cũ qua sử dụng; 01 âm ly nhãn hiệu CALIFORNIA ELECTRONICS 3S, model No PRO-8000AR màu xám đã cũ qua sử dụng; 01 quạt điện hiệu ZipLai loại quạt hộp hình vuông, 01 Model phát Wifi FPT màu trắng; 01 dây cắm loa PR6ST màu đen, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 64.300.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu T tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo tội danh, điều, điểm, khoản trên là có căn cứ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh Dương Văn T khai ngoài những tài sản cơ quan điều tra thu giữ, anh T còn bị mất 01 tivi nhãn hiệu Asando 50 inch,

01 âm ly Jaguar, 02 chiếc loa BMB màu đen xám nhưng bị cáo không thừa nhận trộm cắp các tài sản này. Tại phiên tòa đã tiến hành đối chất giữa bị cáo với bị hại Dương Văn T nhưng bị cáo vẫn không thừa nhận. Ngoài lời khai của anh T thì không có tài liệu nào khác, nên không có căn cứ kết luận bị cáo Đ trộm cắp các tài sản nêu trên. Khi nào điều tra làm rõ sẽ được xử lý theo pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho người dân. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của anh T lén lút chiếm đoạt tài sản. Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản rất liều lĩnh, táo bạo thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy C phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai báo T khẩn, tỏ ra ăn ăn, hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngay giữa ban ngày, hành vi phạm tội rất táo bạo. Do vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, giáo dục bị cáo, phòng ngừa tội phạm C áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo thì mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo T công dân có ích cho xã hội.

[7] Đối với anh Trịnh Văn T có hành vi cho bị cáo gửi nhờ tài sản trộm cắp và gọi người đến mua tài sản do bị cáo Đ trộm cắp; anh Trịnh Văn C, anh Nguyễn Văn V có hành vi mua tài sản do bị cáo đem bán nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên anh T, anh C, anh V không vi phạm pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

[8.1] Bị hại là anh Dương Văn T đã được nhận lại các tài sản nay không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét. Đối với yêu cầu được nhận lại 01 ti vi nhãn hiệu Asando 50 inch, 01 âm ly Jaguar, 02 chiếc loa BMB màu đen xám do không có căn cứ kết luận là do bị cáo Đ trộm cắp nên yêu cầu của anh T không được chấp nhận. Khi nào điều tra làm rõ sẽ được xử lý theo pháp luật.

[8.2].Về yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Trịnh C yêu cầu bị cáo trả số tiền 5.000.000đồng thì thấy: Khi mua tài sản do bị cáo Đ đem bán, anh Nguyễn Trịnh C không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận và đồng ý trả số tiền này cho anh C, do vậy C buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh C số tiền 5.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[8.3] Về yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn V yêu cầu anh Nguyễn Trịnh C trả số tiền 5.000.000đồng thì thấy: Quá trình điều tra anh C, anh V đều thừa nhận có việc mua bán tài sản, giao nhận số tiền 12.000.000đồng giữa anh C với anh V. Lời khai của anh V, anh C thể hiện anh C đã trả anh V 7.000.000đồng, còn lại 5.000.000đồng. Khi mua lại tài sản của anh C, anh V không biết đó là tài sản bất hợp pháp. Do vậy, anh V yêu cầu anh C hoàn trả số tiền còn lại 5.000.000đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 579, khoản 1 Điều 580 của Bộ luật Dân sự nên C chấp nhận.

[9] Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98M9 -3576 bị cáo dùng vào việc phạm tội là của ông Trịnh Văn Đ là bố đẻ bị cáo. Ông Được không biết bị cáo sử dụng chiếc xe trên để đi trộm cắp tài sản nên ngày 30/7/2018 cơ quan điều tra đã trả ông Được chiếc xe trên là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Đối với các tài sản bị cáo trộm cắp ngày 30/6/2018 là tài sản của anh T, ngày 31/7/2018 Cơ quan điều tra trả cho anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Đối với 01 điện thoại di động Iphone 5S đã qua sử dụng bị cáo dùng gọi thuê taxi chở tài sản trộm cắp mang đi cất giấu nên C tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Đối với 01 then khóa cửa kim loại dài 28cm, đường kính 1,7cm, một đầu có treo 01 khóa cửa hiệu KTV màu đen, một đầu có vết gãy kim loại và vết cắt kim loại, 01 đầu của then khóa cửa nói trên có hình chữ J đường kính 1,7cm có vết gãy kim loại và vết cắt kim loại là của anh T nhưng trị giá tài sản không đáng kể, anh T không yêu cầu nhận lại nên C tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] Về án phí:

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh Nguyễn Trịnh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[14] Hội đồng xét xử tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn Đ 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 03/7/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 579, khoản 1 Điều 580 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Trịnh Văn Đ phải hoàn trả cho anh Nguyễn Trịnh C số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Buộc anh Nguyễn Trịnh C phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn V số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

3. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 5S đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 then khóa cửa kim loại dài 28cm, đường kính 1,7cm, một đầu có treo 01 khóa cửa hiệu KTV màu đen, một đầu có vết gãy kim loại và vết cắt kim loại, 01 đầu của then khóa cửa nói trên có hình chữ J đường kính 1,7cm có vết gãy kim loại và vết cắt kim loại theo Quyết định chuyển vật chứng số 158/QĐ-VKS ngày 15/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân T phố B.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Trịnh C phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng Đ bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

T V HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Xuân Lộc

Nơi nhận:

- VKSND T phố B;
- VKSND tỉnh B;
- Công an T phố B;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh B;
- Chi cục THADS TPBG;
- Lưu HS, VP.

T/M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

